

TƯ DUY THƠ VĂN CAO

Phùng Gia Thế

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Tóm tắt: Văn Cao có những đóng góp quan trọng về thơ, tuy nhiên việc nghiên cứu thơ ông đến nay vẫn còn nhiều vấn đề để đề ngỏ. Tiếp cận thơ Văn Cao từ bình diện tư duy giúp lý giải chiều sâu sáng tạo trong các sáng tác của ông, trên cơ sở đó thấy được sự vận động của quan niệm, cái nhìn và những biểu hiện phong phú trong thế giới nghệ thuật Văn Cao. Ở đây, chúng tôi không nhìn tư duy thơ những phạm trù, mà tập trung phân tích sự triển hiện các sắc thái tư duy Văn Cao qua những thế giới nghệ thuật thơ. Trên cơ sở phương pháp hệ thống và cái nhìn lịch sử, bài viết nghiên cứu đặc điểm, diễn trình tư duy thơ Văn Cao qua các chặng đường sáng tác nhằm chỉ ra sự độc đáo riêng có và những đóng góp của ông đối với tiến trình thơ ca Việt Nam như hiện đại.

Từ khóa: Văn Cao, thơ ca, tư duy, cái nhìn, thi pháp

Nhận bài ngày 12.12.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 26.01.2024

Liên hệ tác giả: Phùng Gia Thế; Email: phunggiathe@hpu2.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Văn Cao là nghệ sĩ thiên tài. Trong hành trình sáng tạo của mình, ông có những đóng góp xuất sắc trên cả ba lĩnh vực nghệ thuật: âm nhạc, hội họa và thi ca. Thực tiễn cho thấy, Văn Cao được công chúng và giới nghiên cứu ghi nhận những đóng góp lớn lao về âm nhạc và một phần của hội họa, song trên lĩnh vực thơ ca, việc nghiên cứu và giới thiệu Văn Cao vẫn còn một khoảng trống khá lớn. Các bài viết, công trình nghiên cứu thơ Văn Cao xuất hiện rải rác trên các báo, tạp chí. Tiêu biểu trong số đó, chẳng hạn như: “Nhớ Văn Cao và câu chuyện làm thơ” của Hoàng Cẩm [1], “Cảm nhận Văn Cao” của Hoàng Phủ Ngọc Tường [2], “Văn Cao thơ” của Thanh Thảo [3], “Ba biến khúc của Văn Cao” của Nguyễn Trọng Tạo [4], “Văn Cao lá khát vọng” của Đặng Tiến [5], “Nhà thơ Văn Cao” của Thiên Sơn [6], “Thơ chân thương của Văn Cao” của Văn Giá [7], “Văn Cao, một tiếng thơ vang vang cả lòng cả đất” của Nguyễn Hoài Nam [8], “Văn Cao thơ - hôm qua và hôm nay” của Bùi Việt Thắng [9]...

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, các bài viết về Văn Cao chủ yếu tập trung tiếp cận con người tiểu sử, hành trình sáng tác và thế giới nghệ thuật thơ ông, trong khi vấn đề tư duy nghệ thuật, một đặc tính cốt lõi làm nên bản sắc Văn Cao lại chưa được quan tâm thỏa đáng. Ở đây, chúng tôi quan niệm, bản sắc và đóng góp của nhà thơ trong tiến trình văn học không nằm ở hành trình sự kiện, hành trình lịch sử sáng tác, mà ở một vấn đề cốt lõi: hành trình của tư duy. Tư duy thơ Văn Cao chịu sự quy định bởi đặc điểm tâm - sinh lý, cá tính, kinh nghiệm sống, kinh nghiệm thẩm mỹ và môi trường văn hóa - xã hội, thời đại của nhà thơ. Nét độc đáo trong tư duy thơ Văn Cao thể hiện rõ nhất trong quan niệm, cái nhìn và những triển hiện thi pháp mang đậm cá tính sáng tạo của ông.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Trong *Mấy ý nghĩ về thơ* (1957), Văn Cao ví việc đọc một nhà thơ giống như đi theo một dòng sông lớn mà ở đó “dù bắt đầu từ khúc nào, dù ghé vào bến nào, chúng ta đều phải nghĩ là ngược lên nguồn thì đường dài lắm, mà xuôi ra biển thì biển còn xa” [10]. Ở một chỗ khác của

bài, ông chiêm nghiệm: “Cuộc đời và Nghệ thuật của nhà thơ phải là những dòng sông lớn càng trôi càng thay đổi, càng trôi càng mở rộng” [11].

Về thơ, Văn Cao sáng tác không nhiều (khoảng trên dưới 70 bài) nhưng thơ là trường hợp đặc biệt của ông. Đặc biệt trước hết ở chỗ, thơ Văn Cao chủ yếu được tạo sinh ở những thời điểm nhiều thăng trầm nhất của cuộc đời. Phân tích hành trình tư duy thơ Văn Cao, sẽ thấy sự vận động của thể giới nghệ thuật thơ và những đóng góp độc đáo của nhà thơ trong tiến trình thơ ca Việt Nam hiện đại.

2.1. Giai đoạn trước 1945

Trước 1945, Văn Cao chủ yếu sáng tác nhạc và từng có triển lãm hội họa. Các bài thơ đã công bố giai đoạn này chỉ chừng khoảng mười bài: *Li khách*, *Linh cảm tiến*, *Ai về Kinh Bắc*, *Đêm ngàn*, *Đêm mưa*, *Một đêm đàn lạnh trên sông Huế*..., và hai bài thơ được chính ông phổ nhạc thành các ca khúc bất hủ: *Bài thơ bên suối* (ca khúc *Suối mơ*), *Thu cô liêu*. Có thể chia thơ Văn Cao thời kỳ này làm hai nhánh. Nhánh thứ nhất là những bài mang âm hưởng lãng mạn hoài cổ “*đẹp - buồn - xa vắng*” pha chút trầm hùng - bi tráng, một tông thơ vốn dĩ khá phổ biến bấy giờ (kiểu *Tổng biệt hành* của Thâm Tâm, *Dặm về* của Nguyễn Đình Tiên...): “*Xót đời linh thú không tên tuổi/Cả một nghìn thay đổi lấy thành/Nói đến cuộc đời còn chẳng tiếc/Tiếc gì nước mắt đón đưa anh!*” (*Li khách*) [12]; “*Hỡi người cuối ngựa về Kinh Bắc/Tôi gửi đưa thư hộ mẹ già/Cố thét song lời tôi yêu quá/Ngựa đều chân chạy nhạc càng xa*” (*Ai về Kinh Bắc*)... Đến *Một đêm đàn lạnh trên sông Huế*, *Bài thơ bên suối*, *Thu cô liêu*, có thể xem là nhánh thứ hai, thơ Văn Cao đi qua Thơ mới, chạm vào cõi tượng trưng, nhuần nhị với cách dùng nhạc điệu, biểu tượng trong diễn tả cảm xúc, phảng phất trực giác mơ hồ: “*Này nầy tơ đồng nhịp nhịp đôi/Lòng nâng ngọn ngọt lại đầu môi/Này em hát khúc tương tư nhé/Ngâm khế em ơi nhẹ nhẹ lời/Sao đàn u hoài gì mùa thu?/Sao đàn u hoài gì mùa thu?/Tri âm nghe thử dây đồng vọng/Lạc lững đêm vàng khi nhạc ru*” (*Một đêm đàn lạnh trên sông Huế*); “*Suối mơ bên rừng thu vắng/Dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng/Ngày chưa đi sao gió vương?/Bờ xanh ngát bóng đôi cây thùy dương*” (*Bài thơ bên suối*)...

Như thế, trong giai đoạn trước 1945 (khoảng từ 1939 - 1945), mặc dầu không chú tâm sáng tác thơ và sáng tác không nhiều, song tư duy thơ Văn Cao đã có sự chuyển dịch mau lẹ từ Thơ mới lãng mạn sang Thơ mới tượng trưng, một đỉnh cao của trường thơ lãng mạn. Điều này cho thấy phản xạ nghệ thuật nhạy bén trong tư duy Văn Cao trên con đường sáng tác và cách tân thơ. Nhờ đó, những bài thơ giai đoạn này còn neo lại được với thời gian.

2.2. Giai đoạn 1945 - 1954

Năm 1945, Văn Cao viết *Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc*, bài thơ đánh dấu bước dịch chuyển quan điểm thẩm mỹ của Văn Cao, mở đường cho một kiểu tư duy thơ suốt quãng thời gian sau đó. Thế giới thơ đẹp, buồn, “cô liêu”, “tịch liêu” khép lại, nhường chỗ cho một Văn Cao dần thân, sát gần với tiếng rên xiết, gào réo của những lớp người cần lao đau khổ. Lúc này, Văn Cao đã là người của cách mạng, nhưng bài thơ được ông viết ra trong cảm trạng tinh thần của một thi nhân. Khác với “cái nhìn lãng mạn”, “bút pháp tượng trưng” trước đây, *Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc*, dưới “cái nhìn cực thực” và bút pháp huyền ảo - kinh dị đã vẽ ra một hiện cảnh âm u, một không gian địa ngục ngay giữa lòng Hà Nội: “*Ngã tư nghiêng nghiêng đóm lửa/Chập chờn ảo hóa tà ma [...]/Đôi dãy hồng lâu mở cửa phấn sa/Rũ rượi tóc những hình hài địa ngục*”... Đọc *Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc*, có cảm giác như đang xem một bộ phim ma kinh dị, mà ở đó, mọi giác quan bị chiếm đoạt khiến độc giả không ít lần rùng mình ghê sợ. Trung tâm của đêm tối địa ngục là hình ảnh “chiếc xe ma”. Ánh sáng “chập chờn”; hình ảnh “rũ rượi tóc”, “ảo thể-hoa rũ rượi lượn đêm trường”, “tùng mỹ-thể rạc hơi đèn phù thế”, “đầm đĩa rả rích”; thanh âm “lạnh ngắt tiếng ca nhi phách giục”, “chuối tiền cười lạnh lẽo”, “hun hút gió”, “bánh nghiêng nhựa đường nghe sào sạo”; động tác thấy đều gọi chét chóc tang thương (“vạc xương đồ sọ”)... *Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc* là một điệp khúc thê lương, vô vọng, mờ ảo giữa thế giới người sống và thế giới chập chờn địa ngục nơi

xóm cô đầu. Cũng phải nói, trong lịch sử thi ca, ít khi Thăng Long - Hà Nội được vẽ trong cảnh tang thương như thế.

Mùa thu năm 1945, bão táp cách mạng nổ ra. Không gian miền Bắc xoay chuyển như vũ bão. Văn Cao vừa làm cách mạng, vừa làm nghệ thuật. Cách mạng thuận chiều cho nghệ thuật mới, nhưng với nghệ thuật nói chung thì không phải bao giờ cũng giản đơn như vậy. Trong một lần trò chuyện với Hoàng Phủ Ngọc Tường, ông nói: “Đời tôi khát vọng nghệ thuật hơn là phải cảm hứng. Thời 1943 - 1944, day dứt của tôi là cách mạng hay nghệ thuật? Từ năm 41 tôi đã làm cảm tình cách mạng nhưng chưa bao giờ muốn tham gia một cách đứng đắn, vì làm cách mạng thì phải bỏ nghệ thuật. Năm 1944 người chết đói đầy đường. Tới đây, tôi thấy nghệ thuật không còn góc ngách nào để sống: cái đói ở người nghệ sĩ còn ghay vò hơn cái đói của người dân thời đó, vì đây là cái đói của cả một dân tộc. Tôi nhận lời tham gia nhập ngũ” [13].

Giai đoạn 1945 - 1954, khác với phần lớn các nhà thơ mê mãi reo vui, lâng lâng trên mặt đất, Văn Cao không sử thi hóa hiện cảnh, mà kiên định lối thơ riêng, không hòa lẫn trong tiếng hát, tiếng hét thời đại, ngay ở những bài thơ nhìn cuộc đời bằng con mắt mới. Nói khác đi, con người cách mạng Văn Cao không lẫn át hay che khuất con người nghệ sĩ với một trực giác và sự nhạy cảm quá lớn. Văn Cao cách mạng mà vẫn rất Văn Cao. *Ngoại ô mùa đông 1946* là một thí dụ (không phải ngẫu nhiên, ba mươi năm sau, vào “mùa xuân đầu tiên”, năm 1976, trong tiếng nhạc lấp lánh reo vui, vẫn hiện ra một đôi mắt u trầm). Điềm qua quãng đời buồn với chất giọng trầm lắng là cách kiểm diện lịch sử riêng có của Văn Cao: “*Em gái Ngã Tư Sở/Anh người thợ Nam Đồng/(Đêm xanh ca khốn khổ/Đập tan đàn khi nhạc mới mệnh mông)/Xác anh vùi lửa đạn/Xác em vùi bên anh/Khói súng mờ bay nhạt cả xóm tranh/Lửa bùng lên cháy rực phía đô thành/Cửa ô!/Cửa ô!/Cửa ô!/Oai hùng/Dữ dội*”... Đẽo rìu cứ thế, “Bấy nhiêu người đói khổ”, rồi “Bấy nhiêu người đau khổ đã vưon cao”. Dường như, ngay cả khi viết trong tâm thế reo vui, lấp lánh hi vọng vào cuộc đời thay lịch sử với cảm hứng sử thi cao nhất, Văn Cao vẫn chưa bao giờ là con người của số đông. Chính xác hơn, ông luôn cảm nhận được mình trong đám đông, như trước kia, ông cảm thấy mình trong sâu thẳm vũ trụ. Tiếng thơ của ông lặn vào trong, đầy đó phảng phất ánh mắt u sầu của một người ưa quan sát. *Ngoại ô mùa đông 1946* (in 1948) được viết trong một độ lùi thời gian. Bài thơ mang đậm tính hiện thực suy tưởng, vừa thời sự, vừa lắng sâu về một Hà Nội hào hùng, đau thương giờ xa xăm trong miền nhớ. Câu kết phảng phất mơ hồ: *Mùa xuân về giữa chiến hào xa...*

Văn Cao tâm niệm, thơ ca trước hết phải là sự dân thân. Trong *Mấy ý nghĩ về thơ*, ông viết: “Đến với cuộc đời, nhà thơ không chịu đựng một sự may rủi mà phải chủ định thành lập nên sự thâm mĩ cho người đọc, chủ động xây dựng con người biết tư tưởng cảm xúc và cảm giác tinh tế như mình trong xã hội đương thời và trong cả sau này” [14]. Ông cũng thấu hiểu sự nghiệt ngã của nghệ thuật: Người ta “không muốn nghe lại những ý những lời đã cũ... Người ta yêu những người có mở đường mà thất bại, yêu những người biết thất bại mà dám mở đường” [15].

Không còn nghi ngờ gì nữa, điều làm thành một Văn Cao như thế là cốt cách nghệ sĩ và bản lĩnh của ông. Năm 1949, trong cuộc tranh luận về thơ không văn tại Việt Bắc, trong số rất ít người đứng về Nguyễn Đình Thi, có Văn Cao. Quan niệm này ngược với cái nhìn phổ quát đương thời về tính đại chúng trong thơ, đồng thời cũng là sự vượt qua hệ hình Thơ mới. Lúc này, không gian thơ sử thi chiếm thế ưu thắng, thơ ca chuyên trạng thái, từ Thơ mới, thơ hiện đại trở về sử thi huyền thoại, Văn Cao vẫn kiên nhẫn con đường hiện đại của riêng ông. Đến đây ta mới hiểu, khái niệm “đổi mới” dùng cho văn học sau 1986 dường như chỉ đúng với nền văn học sử thi và những quán tính của nó. Trong dòng chảy văn chương 1945 - 1975, ở những không gian hẹp (và không mấy được khuyến khích), câu chuyện đổi mới thơ vẫn âm ỉ diễn ra, trong những căn phòng riêng, của một số nhà thơ tiên phong, và bởi những lý do riêng chung, đã chịu không ít thiệt thòi.

Lịch sử tạo ra kiểu nghệ sĩ như Văn Cao, chọn lối sống tách ra khỏi đám đông, và đến lượt mình, ông cũng góp phần tạo ra cái lịch sử ấy. Trong thơ, khí cốt nghệ sĩ Văn Cao bộc lộ qua cái nhìn của ông với con người, với cuộc đời, và với chính thơ ca. Không phải ngẫu nhiên, *Chiếc xe*

Tạp chí Khoa học - Số 80/Tháng 1 (2024) 17

xác qua phường Dạ Lạc và *Ngoại ô mùa đông 1946* được xem là những thi phẩm độc đáo và xuất sắc của thơ ca Việt Nam giai đoạn chống Pháp 1945 - 1954.

2.3. Giai đoạn 1954 - 1975

Giai đoạn 1954 - 1975, trường ca *Những người trên cửa biển* (1956) đóng một vai trò then chốt